

VỐN XÃ HỘI TRONG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ NHỮNG YẾU TỐ CẤU THÀNH

ThS. Nguyễn Hương Giang

Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Vốn xã hội trong khoa học và công nghệ (KH&CN) và những yếu tố cấu thành là một vấn đề mới, nhưng rất quan trọng và cần được nghiên cứu một cách thấu đáo, nhằm có những giải pháp nâng cao và phát triển nguồn vốn này. Một trong các yếu tố cấu thành nên vốn xã hội trong KH&CN chính là truyền thông KH&CN - vốn đã đóng một vai trò quan trọng cho sự phát triển ngành KH&CN của đất nước.

1. Vốn xã hội

Trong xã hội, bên cạnh sự tồn tại của các loại vốn vật chất (*physical capital*) như vốn tiền tệ, đất đai, con người... thì còn có những loại vốn vô hình (*intangible*) khác như: vốn văn hóa, vốn xã hội (*social capital*). Trong đó, vốn xã hội là một khái niệm đã được thừa nhận từ lâu. Trên thế giới, đã có nhiều tác giả đưa ra các cách giải thích khác nhau về vốn xã hội, có thể kể đến: Pierre Bourdieu (Pháp) [1], 1986; Coleman (Mỹ) [2], 1988; Robert David Putnam (Mỹ) [3], 1995, 2000; Fukuyama (Nhật Bản) [4], 2001, 2002... và Lyda Judson Hanifan (Mỹ) [5] - người đầu tiên đưa ra khái niệm vốn xã hội vào năm 1916. Tuy nhiên, các tác giả đều thống nhất cho rằng, vốn xã hội là một nguồn lực nằm trong mạng lưới xã hội, được tạo ra thông qua việc đầu tư vào các quan hệ xã hội, hoặc mạng lưới xã hội, qua đó các cá nhân có thể sử dụng vốn xã hội để tìm kiếm lợi ích. Điểm đặc biệt là, vốn xã hội tồn tại dựa trên sự tin cậy và quan hệ tương tác với nhau, có đi - có lại (*trust and reciprocity*).

Cũng chính vì những đặc tính của vốn xã hội, nhiều tác giả đã thực hiện các nghiên cứu về việc áp dụng vốn xã hội trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội... và thấy rõ tác động tích cực của nó tới sự phát triển các lĩnh vực này. Bên cạnh đó, nhiều tác giả còn chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa ba loại vốn: vốn kinh tế, vốn xã hội và vốn con người, đặc biệt là vai trò quan trọng của vốn xã hội trong việc hình thành vốn con người. Trong cuốn sách "*Vốn xã hội trong việc tạo ra vốn con người*", năm 1988, Coleman đã nhấn

mạnh: vốn xã hội trong gia đình và cộng đồng có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành vốn con người cho thế hệ kế tiếp - được hiểu là kết quả học tập của con cái. Robert David Putnam cũng cho rằng, vốn xã hội tăng cường các chuẩn mực phổ biến, làm đơn giản hóa sự hợp tác, cung cấp khuôn mẫu văn hóa cho các giải pháp của hành động tập thể, tạo ra hạnh phúc về mặt vật chất lẫn tinh thần.

Bên cạnh những tác động tích cực của vốn xã hội tới mọi mặt của đời sống xã hội, nhiều tác giả cũng chỉ ra một số hệ quả tiêu cực của vốn xã hội như: sự thiếu tin tưởng đối với người xa lạ, bè phái, tham nhũng, tâm lý coi tộc người của mình là trung tâm, hạ thấp chuẩn mực của sự cách biệt trong nhóm...

Theo thống kê của TS. Nguyễn Tuấn Anh (Khoa Xã hội học - Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội), thì ở Việt Nam, việc nghiên cứu về vốn xã hội cũng đã được nhiều tác giả thực hiện từ những năm đầu thế kỷ XXI, theo 2 nhóm:

- (1) Tổng kết, giới thiệu lý thuyết về vốn xã hội.
- (2) Vận dụng lý thuyết vốn xã hội trong các nghiên cứu thực tiễn.

Về hướng nghiên cứu thứ nhất, nổi bật nhất là các tác giả: Trần Hữu Dũng, với bài viết “*Vốn xã hội và kinh tế*” (2003); Trần Hữu Quang, với bài viết “*Tìm hiểu khái niệm vốn xã hội*” (2006); Nguyễn Quang A, với bài viết “*Vốn và vốn xã hội*” (2006)... Hướng nghiên cứu thứ hai, nổi bật là các tác giả: Nguyễn Quý Thanh (Đại học Quốc gia Hà Nội) đã chỉ ra vai trò quan trọng của vốn xã hội giúp các doanh nghiệp vay vốn để khởi nghiệp; Nguyễn Tuấn Anh đã vận dụng quan điểm vốn xã hội để nghiên cứu hiện tượng dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp...

2. Vốn xã hội trong khoa học và công nghệ

Gần đây, tác giả Vũ Cao Đàm [6] (Đại học Quốc gia Hà Nội) đã có bài viết bàn về vốn xã hội theo hướng tiếp cận chính sách học, một lĩnh vực nghiên cứu được xem là nơi hội tụ của chính trị học và xã hội học. Theo tác giả, vốn xã hội chính là mạng lưới liên kết giữa con người, nhưng không phải là con người trong tập hợp những con người với tư cách là một nguồn lực hữu hình (*tangible resource*), càng không phải là con người hữu hình tách biệt nhau trong xã hội, mà là con người được kết tinh và hội tụ những giá trị tinh thần trong một mạng lưới xã hội xác định, một truyền thống văn hóa cụ thể nào đó, những con người hòa trong cộng đồng hình thành một thứ nguồn lực vô hình (*intangible resource*) làm nên sức mạnh cho sự phát triển xã hội, trong đó có sự phát triển của KH&CN. Trong hoạt động KH&CN, những nguồn lực vô hình này chính là mạng lưới liên kết bền vững giữa các nhà

ngiên cứu, sự tin cậy trong hoạt động KH&CN, các chuẩn mực đạo đức của cộng đồng KH&CN, các thang giá trị của KH&CN trong xã hội, các quan hệ hợp tác trong hoạt động KH&CN...

Với việc xem xét vốn xã hội trong KH&CN theo các khía cạnh: “mạng lưới bền vững” (theo Bourdieu), “các chuẩn mực” (theo Fukuyama) và “sự hợp tác” (theo Putnam) trên cả ba cấp độ: vi mô (*micro-level*, cá nhân), trung mô (*meso-level*, các nhóm xã hội) và vĩ mô (*macro-level*, quốc gia và quốc tế), tác giả Vũ Cao Đàm cho rằng: sự tương tác giữa các cấp độ, cụ thể là giữa các cá nhân với các nhóm xã hội, với quốc gia và quốc tế sẽ làm cho vốn xã hội “giàu lên” hoặc “nghèo đi”, và hệ quả tất yếu là làm cho nguồn vốn xã hội phát triển, suy thoái hoặc cạn kiệt. Với vốn xã hội còn hạn chế và có nhiều bất cập, nền KH&CN của các nước thuộc Liên Xô (trước đây) và khối XHCN còn thiếu những bứt phá ngoạn mục trong hệ thống KH&CN của thế giới, cũng như rất hiếm hoi trong việc mở ra những lĩnh vực nghiên cứu khoa học mới trong gần một thế kỷ qua.

Như vậy, với vai trò quan trọng của vốn xã hội trong KH&CN, thì việc nghiên cứu, chỉ rõ những yếu tố cấu thành nên vốn xã hội trong KH&CN và phát triển, mở rộng chúng như thế nào là rất cần thiết hiện nay. Đây cũng là một vấn đề nghiên cứu mới nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành KH&CN nước nhà.

3. Truyền thông khoa học và công nghệ - Yếu tố cấu thành quan trọng của vốn xã hội trong khoa học và công nghệ

Với vai trò là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là quốc sách hàng đầu, ngành KH&CN đã nhận được sự quan tâm to lớn, chỉ đạo chặt chẽ của Đảng và Nhà nước ta. Tuy nhiên, những đóng góp của KH&CN vẫn còn chưa tương xứng với sự kỳ vọng của đất nước và chưa chiếm được một vị thế quan trọng trong nền KH&CN của thế giới. Một trong những nguyên nhân dẫn đến những đóng góp khiêm tốn của KH&CN Việt Nam chính là do vốn xã hội trong KH&CN còn hạn chế và chưa được mở rộng, sử dụng một cách tối ưu.

Như đã trình bày và phân tích về khái niệm vốn xã hội nói chung, vốn xã hội trong KH&CN nói riêng, có thể nói các yếu tố như: cách thức tổ chức, cấu trúc mạng lưới KH&CN (tổ chức, cá nhân nhà khoa học), các chuẩn mực về KH&CN, sự hợp tác trong lĩnh vực KH&CN... là những yếu tố chính cấu thành nên vốn xã hội trong KH&CN. Trong khuôn khổ bài viết này, chỉ xin nhấn mạnh khía cạnh hợp tác về thông tin trong lĩnh vực KH&CN, mà cụ thể là truyền thông KH&CN như một yếu tố cấu thành nên vốn xã hội trong KH&CN.

Truyền thông KH&CN chính là mạng lưới liên kết về truyền thông, bao gồm tất cả các tổ chức, nhóm, hội, cơ quan thông tin đại chúng có liên quan đến KH&CN. Mạng lưới này liên kết các thành viên, cá nhân trong những môi trường hết sức đa dạng trong xã hội, từ các cơ quan chủ quản, câu lạc bộ, nhóm, hội, các tổ chức nghề nghiệp, chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo, chính trị, văn hóa... Các thành phần này luôn biến đổi theo thời gian và ở những địa bàn, địa lý khác nhau, tạo nên một nguồn vốn xã hội rộng lớn trong KH&CN, ở cả trong và ngoài nước.

Cũng như các liên kết xã hội khác, mạng lưới liên kết về truyền thông cũng có những liên kết dọc và những liên kết ngang. Liên kết dọc thường nảy sinh trong các quan hệ từ trên xuống dưới, đặc biệt là các quan hệ thứ bậc trong trật tự tổ chức hành chính trong các cơ quan báo chí, các quan hệ giữa Nhà nước và công dân, quan hệ giữa ngành KH&CN với các cơ quan truyền thông trong ngành. Liên kết ngang lại là những liên kết tự nguyện và bình đẳng giữa những cá nhân không có quan hệ tùy thuộc, trên dưới, không bị ràng buộc bởi một thứ thể chế nào cả (giữa người làm công tác truyền thông với cán bộ KH&CN). Cả 2 loại liên kết nêu trên đều đem lại những lợi ích trong việc truyền thông KH&CN - một yếu tố đóng góp nên vốn xã hội trong KH&CN - nếu có chiến lược và kế hoạch sử dụng truyền thông một cách hợp lý, khôn khéo.

Vấn đề đặt ra là, làm thế nào để xây dựng được mối quan hệ tốt giữa ngành KH&CN với các cơ quan truyền thông KH&CN, cũng như có sự đánh giá đúng và nâng cao hơn nữa vai trò của truyền thông KH&CN trong sự phát triển của KH&CN. Để thực hiện tốt vấn đề này, các đơn vị quản lý KH&CN cần xây dựng và chăm sóc tốt mối quan hệ giữa nhà báo với các nhà khoa học và quản lý KH&CN, tạo sự gần gũi, thoải mái khi trao đổi và hợp tác về thông tin KH&CN. Đây cũng là lợi thế để thông tin KH&CN được chia sẻ và chuyển tải nhanh chóng, không qua các cầu nối hoặc khâu trung gian. Bên cạnh đó, việc nhận thức đúng đắn vai trò của truyền thông KH&CN là một trong những nhiệm vụ quan trọng để kết nối cộng đồng xã hội và giới nghiên cứu, chuyển tải các chủ trương, định hướng phát triển KH&CN, các kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, nâng cao kiến thức về KH&CN cho người dân...

Ở các nước có nền KH&CN tiên tiến như Nhật Bản, cũng có những thời điểm người dân không “mặn mả” với các hoạt động truyền thông KH&CN. Trước thực trạng đó, Chính phủ Nhật Bản đã có những quyết sách quyết liệt và cụ thể để thúc đẩy hoạt động này, “phấn đấu đưa khoa học trở thành một văn hóa lớn”. Từ năm 1960, Nhật Bản đã tổ chức Tuần lễ KH&CN vào tháng tư hàng năm; từ năm 1992, Nhật Bản có thêm các festival KH&CN cho giới trẻ (*Youngsters' Festival*); từ năm 2006, Science Agora - sự kiện

truyền thông khoa học lớn nhất ở Nhật Bản được tổ chức vào tháng 11 hàng năm và kéo dài 3 ngày tại Công viên Hàn lâm (Tokyo), thu hút hàng triệu lượt người tham dự... Bên cạnh đó, quốc gia này còn quan tâm đến việc tạo dựng hình ảnh nhà khoa học trong cộng đồng xã hội và tổ chức nhiều hình thức truyền thông khoa học phong phú như: tổ chức các khóa đào tạo chính quy về truyền thông khoa học tại các trường đại học, hình thành hơn 1.000 quán cà phê khoa học trên khắp đất nước...

Một ví dụ nữa cho thấy sự đầu tư thích đáng cho truyền thông KH&CN là: Cơ quan Khoa học Công nghệ Nhật Bản - JST (thuộc Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, KH&CN Nhật Bản - MEXT) đã đầu tư 105,5 triệu USD cho truyền thông KH&CN, chiếm 7,2% trong tổng số kinh phí hoạt động năm 2011 của JST là 1.474 triệu USD (51% ngân sách được JST đầu tư cho sáng tạo công nghệ tiên tiến)... Kết quả là, hoạt động truyền thông KH&CN của cơ quan này rất hiệu quả, tạo ra cầu nối vững chắc giữa các nhà khoa học với các nhà báo và với người dân trong cộng đồng.

Ở nước ta, truyền thông KH&CN đã được Nhà nước quan tâm và chú trọng đầu tư, là một trong sáu giải pháp chủ yếu để thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020. Các cơ quan liên quan cũng đã có những chương trình cụ thể để đẩy mạnh hoạt động này, nhiều cơ quan thông tấn, báo chí đã có các kênh, chuyên trang KH&CN... Bên cạnh đó là các hoạt động phổ biến kiến thức KH&CN thông qua các hội thảo, hội nghị, tập huấn... về truyền thông KH&CN, tổ chức gặp mặt các nhà báo viết về KH&CN... Mới đây, nhằm nâng cao nhận thức và đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về KH&CN, bắt đầu từ năm 2012, Bộ KH&CN đã tổ chức Giải thưởng báo chí về KH&CN, nhằm tìm ra những tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong việc tuyên truyền về KH&CN, đồng thời động viên, khuyến khích kịp thời các nhà báo tích cực tham gia tuyên truyền về KH&CN. Bên cạnh đó, việc tổ chức các Techmart, đẩy mạnh hoạt động của các trung tâm thông tin KH&CN ở các bộ/ngành/địa phương một cách hiệu quả cũng là những kênh truyền thông KH&CN hữu hiệu, cần được quan tâm nhiều hơn. Tuy nhiên, cho đến nay, ngành KH&CN nước ta vẫn chưa xây dựng được một chiến lược dài hơi dành cho truyền thông KH&CN, trong khi ở các nước, sự quan tâm dành cho công tác truyền thông KH&CN nhận được sự quan tâm thấu đáo, kể cả từ lãnh đạo cấp cao nhất của Chính phủ.

Đánh giá về hoạt động truyền thông KH&CN, Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Quân cho rằng, hoạt động này ở nước ta trong những năm qua chưa ngang tầm với yêu cầu tăng cường quản lý và hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực KH&CN. Công tác truyền thông KH&CN chưa đồng bộ, rộng khắp, chưa có trọng tâm, trọng điểm, còn thiếu cơ chế, kế hoạch phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ KH&CN, giữa Bộ với các Sở KH&CN, các

tổ chức KH&CN và các cơ quan thông tin đại chúng. Số lượng bài báo, chương trình truyền hình, phát thanh về KH&CN chưa nhiều, các chuyên mục truyền thông cho KH&CN chưa phong phú, đặc biệt Việt Nam còn chưa có tạp chí khoa học theo các chuẩn mực quốc tế (Scopus, ISI)... Hiện nay, Bộ đang giao cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN xây dựng Chiến lược truyền thông KH&CN đến năm 2020 và xa hơn nữa, đồng thời giao Tạp chí KH&CN Việt Nam (trực thuộc Bộ) thực hiện Đề án nâng cấp Tạp chí theo tiêu chuẩn quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn 2030... Đây là những chủ trương đúng đắn nhằm đẩy mạnh và phát huy hơn nữa hiệu quả của công tác truyền thông KH&CN, thiết thực phục vụ sự phát triển của KH&CN đất nước, hội nhập quốc tế về KH&CN.

Hy vọng, với những quyết sách và chủ trương lớn về phát triển KH&CN, sự đầu tư thích đáng cho truyền thông KH&CN, sự ghi nhận và vinh danh những nhà báo trong lĩnh vực KH&CN, công tác truyền thông KH&CN sẽ là yếu tố cấu thành quan trọng tạo nên nguồn vốn xã hội dồi dào trong KH&CN, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của ngành KH&CN cũng như kinh tế - xã hội của đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Pierre Bourdieu. (1984) *Questions de sociologie*. Paris, Ed. Minit.
2. James Coleman. (1990) *Foundations of Social Theory*. Cambridge (Massachusetts), Harvard University Press.
3. Robert Putnam. (1995) *Bowling alone: America's declining social capital*. Journal of Democracy, số 6 (1).
4. Francis Fukuyama. (2000) *Social capital and civil society*. IMF Working paper WP/2000/74.
5. Isabelle Breuskin. (2002) *Social Capital and Governmental Institutions*". Living Reviews in democracy, Vol 3.
6. Vũ Cao Đàm. (2013) *Vốn xã hội cho phát triển KH&CN Việt Nam*. Tạp chí Tia sáng, số tháng 2, năm 2013.